

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ TTI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ TTI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TTI VIET NAM SERVICE AND INVESTMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TTI VIỆT NAM

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108340040

**3. Ngày thành lập:** 26/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

C6TT1 KĐT Văn Quán, Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                            | 4322     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                             | 4330     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                              | 4610     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại          | 4669     |
| 5.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                       | 4752     |
| 6.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773     |
| 7.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản      | 6820     |
| 8.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                             | 7120     |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế nội thất công trình                                                   | 7410     |
| 10. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                      | 8121     |
| 11. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                     | 8129     |
| 12. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                      | 8130     |
| 13. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                      | 4100     |
| 14. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                  | 4210     |
| 15. | Xây dựng công trình công ích                                                                                               | 4220     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                     | 4290 |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4311 |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321 |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329 |
| 21. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                            | 4390 |
| 22. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                 | 4620 |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                     | 4649 |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                  | 4659 |
| 25. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                | 4662 |
| 26. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim | 4663 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4759 |
| 28. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                     | 6810 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 29. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: Khảo sát địa hình;<br/>         Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình<br/>         Quản lý chất lượng xây dựng công trình;<br/>         Thiết kế quy hoạch xây dựng<br/>         Thiết kế kiến trúc công trình;<br/>         Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;<br/>         Thiết kế kết cấu công trình;<br/>         Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br/>         Thiết kế cấp - thoát nước;<br/>         Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br/>         Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;<br/>         Thiết kế phòng cháy - chữa cháy<br/>         Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;<br/>         Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;<br/>         Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.<br/>         Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;<br/>         Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;<br/>         Đo bóc khối lượng;<br/>         Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;<br/>         Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;<br/>         Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;<br/>         Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.<br/>         Lập quy hoạch xây dựng;<br/>         Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng;<br/>         Khảo sát xây dựng;<br/>         Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình;<br/>         Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;</p> | 7110(Chính) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐỨC THẢO    | Thôn Quan Đình, Xã Văn Môn, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                             | Tổng số           | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    | 125778137                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                  | Cổ phần phổ thông | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHAN ĐỨC TÂM       | C6TT1 KĐT Văn Quán, Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 900.000    | 9.000.000.000         | 45,000    | 025088000187                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                                  | Tổng số           | 900.000    | 9.000.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN HƯƠNG TRANG | C6TT1 KĐT Văn Quán, Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    | 001189001281                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                                  | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN ĐÌNH ĐIỀU   | Xóm 5, Thôn Yên Vỹ, Xã Hương Sơn, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    | 111675590                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                  | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | NGUYỄN TRUNG HẢI   | Số H3-10 Khu B TT ĐH Mô Địa Chất, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 15,000    | 014086000043                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                                  | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHAN ĐỨC TÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 22/12/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 025088000187

Ngày cấp: 18/10/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *C6TT1 KĐT Văn Quán, Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P2614CT2 The Pride, KĐT An Hưng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội